

Số: 31/2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc
thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 562/TTr-TTT ngày 22 tháng 6 năm 2022, Báo cáo số 98/BC-TTT ngày 27 tháng 7 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 53/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2022, thay thế Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và bãi bỏ Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đính chính và sửa đổi nội dung văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Trưởng Ban tiếp công dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

QUY ĐỊNH
Về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND
Ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Những nội dung về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không được quy định trong Quy định này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Ban Tiếp công dân tỉnh, Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh.
3. Cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao xác minh vụ việc khiếu nại, tố cáo.
4. Người khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 3. Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
2. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức.

3. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở, ban ngành và tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

4. Khiếu nại lần hai đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết nhưng còn khiếu nại.

5. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Điều 4. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại tuân theo quy định tại Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Điều 5. Thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý đơn khiếu nại xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo, dự thảo văn bản tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi tiếp nhận đơn khiếu nại thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý nhưng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn phải có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh theo quy định của pháp luật; không được trả lại đơn và hướng dẫn công dân gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; không chuyển đơn cho Trụ sở tiếp công dân của tỉnh. Nếu đơn không thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý thì chuyển cho Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh để xử lý theo Quy định này.

3. Khi tiếp nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì trong thời hạn 03 ngày Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải hoàn thành việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ xác minh kèm theo đơn và tài liệu có liên quan để gửi cho cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh.

Điều 6. Phân định trách nhiệm xác minh khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, thực hiện hành vi hành chính bị khiếu nại chịu trách nhiệm xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại có nội dung tố cáo Thủ trưởng cơ quan đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, thực hiện hành vi hành chính bị khiếu nại, hoặc người khiếu nại có phản ánh, kiến nghị không giao cho Thủ trưởng cơ quan đó xác minh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Chánh Thanh tra tỉnh hoặc thành lập tổ xác minh liên ngành để xác minh.

2. Các khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước bị khiếu nại đó có trách nhiệm xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

3. Chánh Thanh tra tỉnh xác minh và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vụ việc liên quan đến nhiều ngành, địa phương hoặc các vụ việc phức tạp mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thấy cần thiết phải giao Chánh Thanh tra tỉnh.

4. Trường hợp vụ việc có tính chất đông người, tiềm ẩn phát sinh yếu tố gây mất an ninh trật tự trên địa bàn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Thủ trưởng sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực chuyên môn có phát sinh vụ việc chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban ngành khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết hoặc thành lập đoàn thanh tra, tổ xác minh liên ngành để xác minh, làm rõ và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 7. Xác minh và kết luận, kiến nghị biện pháp giải quyết

1. Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh tiến hành việc xác minh theo quy định của Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc xác minh phải thực hiện trong thời hạn pháp luật đã quy định. Trường hợp trong quá trình xác minh phát sinh những vướng mắc, trở ngại khách quan không thể hoàn thành trong thời hạn thì phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho người khiếu nại biết rõ lý do.

3. Trong quá trình xác minh phải đảm bảo tạo điều kiện người khiếu nại và các bên liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 16 của Luật Khiếu nại.

4. Các kết luận, kiến nghị phải nêu rõ bằng chứng và phải viện dẫn cụ thể điều khoản của văn bản pháp luật áp dụng.

5. Báo cáo kết quả xác minh khiếu nại, kết quả đối thoại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải kèm theo dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 8. Đối thoại với người khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại và các tổ chức, cá nhân có liên quan, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh còn khác nhau. Trường hợp khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải tổ chức đối thoại theo quy định.

2. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai, cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và các tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trong quá trình đối thoại, người được phân công đối thoại phải kịp thời báo cáo với người giải quyết khiếu nại về những nội dung phức tạp, vượt quá thẩm quyền; kết thúc đối thoại phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đối thoại và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

Trường hợp khiếu nại phức tạp (có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết, người khiếu nại có thái độ gay gắt, dư luận xã hội quan tâm, vụ việc ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội), người được giao nhiệm vụ xác minh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để trực tiếp chủ trì đối thoại, đồng thời cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung đối thoại.

3. Việc đối thoại tiến hành theo quy định của Luật Khiếu nại, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả đối thoại là một trong căn cứ làm cơ sở cho việc giải quyết khiếu nại.

Điều 9. Rút khiếu nại và đình chỉ việc giải quyết khiếu nại

Khi người khiếu nại rút khiếu nại thì Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ việc giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết.

Điều 10. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra, rà soát báo cáo kết quả xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết, kết quả đối thoại và dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh vụ việc đã trình về hình thức văn bản, thẩm quyền giải quyết, căn cứ pháp lý để giải quyết, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh.

2. Trường hợp sau khi trình báo cáo xác minh và dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu xác minh bổ sung thì cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải báo cáo bổ sung, trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu. Sau khi nhận được dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan được giao xác minh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vụ việc ra thảo luận ý kiến với các cơ quan chuyên môn khác để xem xét trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thì Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải xếp lịch họp theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp tại cuộc họp tham gia ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận đã đủ điều kiện giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày tiếp theo sau khi kết thúc cuộc họp cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại (*thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*). Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sau khi họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải xác minh, thu thập thêm tài liệu hoặc trưng cầu giám định thì trong thời hạn 05 ngày Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải ra văn bản thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch để cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện. Sau khi có kết quả xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định, nếu không có tình tiết phức tạp cần phải họp lại thì sau khi nhận được báo cáo kết quả xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định và dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải họp lại thì thực hiện như khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết không đề nghị tổ chức họp thảo luận, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn có liên quan để xem xét nhưng qua kiểm tra Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phát hiện được những vấn đề chưa rõ, cần bổ sung, sửa đổi thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh thực hiện. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải hoàn chỉnh và trình dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

Điều 11. Gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, Tổng

Thanh tra Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương đặt tại Hà Nội, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến, Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh và Thanh tra tỉnh.

2. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Điều 12. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 13. Tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Luật Tố cáo.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật Tố cáo.

3. Tố cáo mà người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp đã giải quyết nhưng phát hiện có một trong những dấu hiệu vi phạm pháp luật được quy định tại Khoản 3 Điều 37 Luật Tố cáo.

4. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nhưng có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Điều 14. Quy trình giải quyết tố cáo

Quy trình giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Tố cáo và Mục 1 Chương III Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10

tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo và các quy định cụ thể tại Quy định này.

Điều 15. Thụ lý giải quyết tố cáo

1. Việc thụ lý tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát sinh đến Trụ sở tiếp công dân của tỉnh thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh Quảng Ngãi, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai gửi đến lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và Trụ sở tiếp công dân của tỉnh.

2. Đối với đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 13 Quy định này thì Trưởng Ban tiếp công dân của tỉnh chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao cho một cơ quan chủ trì xác minh, tham mưu giải quyết hoặc thành lập đoàn thanh tra, tổ xác minh liên ngành để xác minh, tham mưu giải quyết.

Việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 42 và Điều 43 Luật Tố cáo.

Điều 16. Tổ chức xác minh tố cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1. Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Đoàn/Tổ xác minh phải tiến hành việc xác minh tố cáo theo đúng quy định của Luật Tố cáo, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; tiến hành các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính chính xác, khách quan, trung thực, đúng pháp luật của báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian xác minh tố cáo, Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Đoàn/Tổ xác minh phải báo cáo đề xuất bằng văn bản để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc gia hạn giải quyết tố cáo.

Điều 17. Yêu cầu đối với cơ quan, cán bộ, công chức làm nhiệm vụ xác minh tố cáo

Quá trình xác minh tố cáo phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về giải quyết tố cáo và các yêu cầu sau:

1. Phải đảm bảo giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo theo quy định tại Điều 56 Luật Tố cáo; thực hiện hoặc kiến nghị người, cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ người tố cáo theo quy định tại Điều 57, 58 Luật Tố cáo.

2. Không được cử người có quan hệ huyết thống, tình cảm, kinh tế với đối tượng bị tố cáo tham gia xác minh vụ việc; trường hợp người có thẩm quyền cử không biết về mối quan hệ này thì người được cử phải có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực với người có thẩm quyền; việc báo cáo phải bằng văn bản.

3. Phải tạo điều kiện để người bị tố cáo được giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc tiếp nhận giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo.

4. Sau khi kết thúc việc xác minh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ xác minh tố cáo, Trưởng Đoàn/Tổ trưởng, Đoàn/Tổ xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo, đồng thời gửi kèm theo dự thảo kết luận và văn bản xử lý tố cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Kết luận nội dung tố cáo và xử lý kết luận vi phạm

1. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo:

a) Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình. Việc thông báo có thể thực hiện bằng hình thức gửi dự thảo kết luận hoặc tổ chức cuộc họp để thông báo. Trường hợp tổ chức cuộc họp thì nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản, ghi nhận đầy đủ ý kiến của những người được thông báo, có chữ ký xác nhận của người chủ trì và người được thông báo, đồng thời không được làm lộ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác của người tố cáo.

b) Trường hợp trong dự thảo kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo những thông tin đó.

2. Kết luận nội dung tố cáo:

a) Căn cứ vào nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, dự thảo kết luận nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận bằng văn bản về nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo mẫu quy định.

b) Trường hợp Tổ trưởng, Trưởng đoàn xác minh hoặc Thủ trưởng cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

yêu cầu phải tổ chức họp thảo luận ý kiến với các cơ quan chuyên môn có liên quan thì thực hiện như quy định tại các khoản 3, 4 Điều 10 của Quy định này.

3. Xử lý tố cáo:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng Thủ trưởng cơ quan được giao xác minh tố cáo hoặc Trưởng đoàn, Tổ trưởng của Đoàn/Tổ xác minh chịu trách nhiệm tham mưu xử lý như sau:

a) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có ý tố cáo sai sự thật;

b) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp kết luận hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền và yêu cầu Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh bàn giao hồ sơ cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận chỉ đạo bàn giao hồ sơ.

d) Trong trường hợp người bị tố cáo có vi phạm pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính thì tham mưu việc chỉ đạo lập Biên bản vi phạm hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định xử phạt kịp thời theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Gửi kết luận nội dung tố cáo và công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Việc gửi kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo.

2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Tố cáo và Điều 6 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho người tố cáo bằng một trong hai hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo và các quyết định, văn bản xử lý tố cáo. Trường hợp trong các văn bản nói trên có nội dung thuộc bí mật nhà

nước thì phải trích văn bản để loại bỏ những thông tin đó trước khi gửi cho người tố cáo.

b) Gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo. Việc thông báo kết quả phải đảm bảo không tiết lộ các nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và mọi cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải chấp hành nghiêm túc Quy định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm căn cứ vào Quy định này để phân công, phối hợp giữa cá nhân, tổ chức trong nội bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trụ sở tiếp công dân của tỉnh; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; theo dõi, tổng hợp ý kiến, đánh giá về tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cá nhân, tổ chức có thành tích, xử lý hành vi vi phạm.

Điều 21. Áp dụng các biểu mẫu giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các biểu mẫu có liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Thanh tra tỉnh làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.